

Bản án số: 03/ 2018/ HNGĐ - ST
Ngày : 27 / 02/ 2018.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Văn Công và bà Nguyễn Thị Huế.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122 /2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2018/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn S - Sinh năm: 1986.
Địa chỉ: Thôn 11, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
 - **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim H -Sinh năm: 1986.
Địa chỉ: Thôn 11, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- Tại phiên tòa có mặt anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là anh Trần Văn S trình bày: Anh và chị H được tự do tìm hiểu nhau khoảng 1 năm, sau đó anh chị đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 06 tháng 3 năm 2009 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh chị không khắc phục được nên đến tháng 01 năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến thường xuyên xảy ra những bất đồng quan điểm, có lúc dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát,

cãi chửi nhau nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Do cuộc sống không có tiếng nói chung nên chị H đã đưa cháu Trần Gia N chuyển đến nơi ở khác tại xã N, huyện Y để sinh sống, kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay và vợ chồng đã sống ly thân nhau kể từ đó. Trong thời gian này anh và chị H không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh và chị H không thể về đoàn tụ được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con: Anh và chị H cho đến nay có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn PA, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Gia N, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2011. Trong đơn khởi kiện cùng bản tự khai anh yêu cầu Tòa án giao cháu Trần Nguyễn PA cho anh được chăm sóc nuôi dưỡng, còn giao cháu Trần Gia N cho chị H được chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên anh nhận thấy các cháu còn nhỏ, cần tình yêu thương chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do vậy anh thay đổi yêu cầu là giao cả hai cháu là cháu A và cháu N cho chị H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu cho chị H hàng tháng với mức là 1.000.000 đồng mỗi cháu mỗi tháng kể từ khi ly hôn cho tới khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Về con riêng anh và chị H không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị H cho đến nay không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, do vậy nay ly hôn anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn như anh S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị và anh S chung sống hạnh phúc với nhau trong 6 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vào khoảng tháng 8 năm 2016, chị phát hiện anh S có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần nhắc nhở, khuyên nhủ anh S nhưng anh vẫn không nghe, mặt khác do anh S không thay đổi khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra những bất đồng quan điểm, xô xát cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt xa lánh nhau. Do mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng gay gắt, nên đến tháng 9/2017 chị đã dọn ra ngoài sống cùng với cháu Trần Gia N, tại xóm 1, xã N và vợ chồng sống ly thân nhau kể từ đó. Trong khoảng thời gian này chị và anh S không còn quan tâm đến nhau nữa, đôi khi có liên lạc với nhau hỏi thăm về con. Tuy nhiên chị nhận thấy tuy vợ chồng đã sống ly thân nhau nhưng tình cảm vẫn còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng dẫn đến việc phải ly hôn. Do vậy chị không đồng ý ly hôn với anh S.

Về con: Chị và anh S có hai con chung là cháu Trần Nguyễn PA, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Gia N, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2011. Cháu PA và cháu N từ bé cho đến lớn đều do chị chăm sóc. Đến nay nêu vợ chồng ly hôn, chị nhất trí với anh S về việc giao cả hai cháu PA và cháu Gia N cho chị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con cho chị hàng tháng là 1.000.000 đồng mỗi cháu mỗi tháng kể từ khi ly hôn cho tới khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Về con riêng vợ chồng không ai có nên chị không yêu cầu.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim H nhất trí với ý kiến của anh S về tài sản. Vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Văn S xử cho ly hôn, về con công nhận sự thỏa thuận giữa anh S và chị H: Giao cả hai cháu PA và cháu Gia N cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị H mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng theo thỏa thuận của các bên, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu PA và quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị Kim H đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2009 tại UBND xã T, huyện Y, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, luôn nghi ngờ lẫn nhau, anh S cho rằng do kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến những bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, còn chị H cho rằng anh S có quan hệ với người phụ nữ khác nên dẫn đến vợ chồng xô xát cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt xa lánh nhau, nhưng chị không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh cho quan điểm của chị về việc anh S có quan hệ với người phụ nữ khác. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì thấy rằng anh S, chị H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, các ban ngành của xã đã hòa giải nhưng không có kết quả, do vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị H đã đưa cháu N ra thuê nhà tại xóm 1, xã N để sống riêng và đến tháng 01/2018 chị H đã đưa cháu PA về ở cùng chị và chuyển trường học cho cháu, mặt khác chị H cũng thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn và bản thân chị H không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được phương hướng nào để vợ chồng về đoàn tụ, hiện tại chị H đang có cuộc sống riêng và tại phiên Tòa chị cho rằng vì muốn con có bố nên chị không muốn ly hôn. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên thấy rằng mâu thuẫn giữa anh S và chị H đã xảy ra, vợ chồng đã sống ly thân, cho đến nay mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh S giải quyết cho anh được ly hôn với chị H là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[2] Về con: Anh S và chị H cho đến nay có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn PA, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Gia N, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2011, hiện tại đang do chị H nuôi dưỡng. Trong quá trình hòa giải thì chị H cho rằng nếu phải ly hôn thì chị nhất trí với ý kiến của anh S và tại phiên tòa hôm nay anh S và chị H đã thỏa thuận về nuôi con và mức cấp dưỡng. Xét về nguyện vọng của cháu PA thấy rằng cháu có nguyện vọng được ở cùng với chị H, do vậy cần công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và mức cấp dưỡng giữa anh S và chị H: Giao cháu PA và cháu N cho chị H được tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng và anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu cho chị H, mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 3/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống là phù hợp với nguyện vọng của cháu PA và điều kiện nuôi dưỡng của anh S, như vậy đã đảm bảo được mọi quyền lợi cho các cháu. Về con riêng anh S, chị H không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết thì anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị Kim H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn S là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn và nộp án phí về cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 81, 82, 83, 84 và các Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Văn S về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với chị Nguyễn Thị Kim H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim H.

- Về con: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị Kim H về nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao cháu Trần Nguyễn PA, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Gia N, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu cho chị Nguyễn Thị Kim H, mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 3/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Văn S không thi hành hết khoản tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Trần Văn S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình và nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số AA / 2013/ 0001777 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Anh Trần Văn S còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/02/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung